TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/**2024/HNGĐ - ST
Ngày: 19-3-2024
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đinh Hữu Luynh**
2. Bà **Nguyễn Thị Sinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Minh Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1 Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết M**, sinh năm 1981;
Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn Th**, sinh năm 1979;
Đị chỉ: thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Mai có mặt, ông Thành có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2023 và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Th sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, đến ngày 10/11/2003 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng ở thôn S, xã Đ. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Th sống không có trách nhiệm với gia đình, không phụ bà chăm sóc con cái, tính tình vũ phu. Tuy đã lớn tuổi nhưng ông Th sống không có lập trường, hay nghe lời các anh chị phía bên

gia đình nhà chồng nên vợ chồng hay xảy ra xung đột, cãi vã, nhiền lần ông Th có hành vi bạo lực đánh đập bà, thậm chí có lần dùng mỏ lết đánh bà gãy tay trái vào tháng 12/2022. Sự việc bị ông Th đánh, bà có báo với công an thôn S, xã Đ và đi chụp XQ. Từ đó vợ chồng sống không có sự gắn kết, chia sẻ, cảm thông, tiền bạc người nào làm ra thì người đó giữ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình động viên, Hội liên hiệp phụ xã Đ tổ chức hoà giải nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Tháng 8/2023, bà đã chuyển vào thôn L, xã T, huyện Đ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn Th.

Bị đơn ông Trần Văn Th trình bày: Bà M trình bày về quá trình tìm hiểu, kết hôn như trên là đúng sự thật. Ông và bà M đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 10/11/2003, có tổ chức lễ cưới, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn thì chung sống cùng gia đình ông tại thôn S, xã Đ, huyện Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Ông thừa nhận tính tình nóng nảy, không kìm chế bản thân nên nhiều lần có hành vi đánh đập bà M. Việc đánh bà M xuất phát từ nguyên nhân bà M có những lời nói không đúng đối với ông. Thừa nhận tháng 12/2022, trong lúc vợ chồng cãi vã nhau thì ông có dùng cờ lê sửa xe máy ném vào người bà M thì bà M bỏ chạy và bị té gãy tay chứ không phải ông đánh gãy tay như bà M trình bày. Trước đây ông làm ra tiền đều về đưa cho bà M, nhưng khi ông cần tiền để mua cái này, cái kia cho gia đình và nói bà M đưa tiền nhưng không đưa. Vì vậy, sau này khi làm ra tiền ông không đưa cho bà M giữ nhưng gia đình thiếu vật dụng gì thì ông chủ động mua về. Ngoài ra, ông là người theo đạo phật, bà M theo đạo công giáo nên trong việc tín ngưỡng thì vợ chồng cũng không đồng thuận. Mặt khác, tháng 8/2022, vợ chồng có làm nhà trên đất của cha mẹ bà M cho tại thôn S, xã Đ nhưng phía gia đình bà M không tôn trọng mà xem ông đang sinh sống nhờ bên gia đình nhà vợ nên từ những lý do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và hay cãi vã nhau lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được người thân trong gia đình động viên và Hội liên hiệp phụ xã Đ cũng tổ chức hoà giải nhưng không giải quyết được. Mặc dù, trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, dạn nứt nhưng ông vẫn còn yêu thương vợ, không muốn đổ vỡ hôn nhân ảnh hưởng đến con cái nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M.

Về con chung: Bà M, ông Th cùng xác nhận có hai người con chung là cháu Trần Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 08/7/2004, cháu Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 01/3/2009. Đối với cháu Kh đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên không đặt vấn đề giải quyết về con đối với cháu Kh. Ý kiến của bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, vấn đề cấp dưỡng nuôi con thì bà và ông Th tự thoả thuận. Hiện nay bà làm vườn và buôn bán, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng nên có điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng cháu K phát triển tốt về mọi mặt. Ý kiến của ông Th, trường hợp phải ly hôn thì tuỳ sự lựa chọn của cháu K muốn ở với ai thì người đó sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp

dưỡng nuôi con thì ông và bà M tự thoả thuận. Hiện nay, ông chạy máy cày, thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Bà M, ông Th tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M, ông Th cùng xác nhận không có nợ chung.

Bị đơn ông Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Th, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Anh K, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, bà và ông Th không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trần Văn Th được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Anh K cho bà Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà M, ông Th không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về nợ chung: Bà M, ông Th không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết ly hôn với ông Th, bị đơn ông Th có địa chỉ cư trú tại thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là *"Tranh chấp về ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Th theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông Th đã được UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2003 ngày 10/11/2003. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của bà M, ông Th là hợp pháp.

Theo lời trình bày của các bên đương sự và tài liệu thu thập có trong hồ sơ thể hiện: Bà M, ông Th chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách có nhiều khác biệt, không có sự chia sẻ, cảm thông, thiếu tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, trong việc tín ngưỡng thì vợ chồng cũng không đồng thuận, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã nhau. Ông Th nhiều lần có hành vi đánh đập bà M, khiến bà tổn thương về tình cảm, khủng hoảng về tinh thần. Tháng 8/2023, bà đã chuyển vào thôn L, xã T, huyện Đ sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người ấy.

Tại biên bản xác minh ngày 21/02/2024 *(bút lục 32)*, bà Nguyễn Thị M là mẹ ruột của bà M cho biết *"Vợ chồng chị M, anh Th sau khi kết hôn thì chung sống tại gia đình nhà chồng ở thôn S, xã Đ. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay xích mích, cãi vã nhau, nhiều lần anh Th có hành vi đánh đập chị M, chị M hay gọi điện về tâm sự với bà về cuộc sống chung với anh Th không hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân"*. Tại biên bản xác minh ngày 21/02/2024 *(bút lục 33)*, ông Đào Duy Tr là trưởng thôn S, xã Đ cho biết *"Năm 2003, chị M, anh Th đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Th hay nhậu nhoẹt say sỉn chửi bới vợ con, nhiều lần có hành vi đánh đập chị M, vợ chồng sống không hạnh phúc và đã ly thân"*.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà M và ông Th là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, mà đã sống ly thân, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên không có biện pháp giải quyết, hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án động viên để các bên trở về đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng bà M vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Th. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà M, ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà M và ông Th được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà M, ông Th có hai người con chung là cháu Trần Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 08/7/2004, cháu Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 01/3/2009. Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K còn ông Th thể hiện ý kiến là tuỳ sự lựa chọn của cháu K muốn ở với ai thì người đó sẽ trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Xét thấy, đến thời điểm xét xử cháu K đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện tại, bà M có nghề nghiệp làm vườn và buôn bán, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng. Vì vậy, để ổn định cuộc sống, học tập của cháu K, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu K cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nguyện vọng của cháu K, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt. Bà M không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Kh đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà M, ông Th tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà M, ông Th cùng xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn bà M phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với bị đơn ông Trần Văn Th.

Cho bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Trần Văn Th được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Anh K, sinh ngày 01/3/2009 cho bà Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0002329 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (bà Mai đã nộp đủ). Ông Trần Văn Th không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Luyện Thanh Sơn